|  |  |
| --- | --- |
| BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG.  **HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ**  **BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG** | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: /TB-HV | *Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2020* |

**THÔNG BÁO**

**V/v: Kế hoạch giảng dạy - học tập trực tuyến từ ngày 23/03/2020**

**tại Cơ sở đào tạo Hà Nội**

Căn cứ Kế hoạch triển khai giảng dạy - học tập và hỗ trợ học tập trực tuyến của Học viện. Học viện thông báo tới các giảng viên và sinh viên kế hoạch giảng dạy - học tập cụ thể từ ngày 23/03/2020 của Cơ sở đào tạo Hà Nội như sau:

**1. Kế hoạch giảng dạy, hình thức đào tạo:**

- Triển khai giảng dạy - học tập trực tuyến qua phần mềm **TranS** và hỗ trợ học tập thông qua hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS) từ tuần 13 (từ ngày 23/03/2020) đối với một số lớp học phần lý thuyết/bài tập (danh sách các lớp kèm theo tại Phụ lục 1). Giảng viên và sinh viên tra cứu lịch tại trang Quản lý đào tạo (<http://qldt.ptit.edu.vn>).

- Trong thời gian dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến hết sức phức tạp, để đảm bảo sức khỏe theo các khuyến cáo của các cơ quan chức năng, các Giảng viên có thể bố trí giảng dạy trực tuyến tại tại các phòng học theo thời khóa biểu hoặc các địa điểm có đầy đủ các điều kiện phục vụ giảng dạy. Giảng viên đăng ký cụ thể với phòng Giáo vụ để phục vụ công tác quản lý.

- Đối với các học phần lý thuyết/bài tập khác, lịch giảng dạy - học tập trực tuyến dự kiến triển khai từ tuần 14 (từ ngày 30/03/2020). Phòng Giáo vụ có thông báo cụ thể trong tuần 13.

- Các học phần: Giáo dục thể chất, Thực hành cơ sở, Thực hành chuyên sâu (ngành KT ĐTTT, CN KT Đ-ĐT), phần thực hành của các lớp học phần không tổ chức học trực tuyến. Phòng Giáo vụ sẽ điều chỉnh lịch học cụ thể các học phần trên hệ thống Quản lý đào tạo sau khi sinh viên quay trở lại Học viện học tập trung.

- Thời gian giảng dạy - học tập đối với các lớp học trực tuyến được điều chỉnh như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kíp** | **Tiết học** | **Thời gian** | **TT** | **Kíp** | **Tiết học** | **Thời gian** |
| 1 | 1 | 1 | 07h30 - 08h20 | 4 | 4 | 7 | 14h30 - 15h20 |
| 2 | 08h30 - 09h20 | 8 | 15h30 - 16h20 |
| 2 | 2 | 3 | 9h30 - 10h20 | 5 | 5 | 9 | 16h30 - 17h20 |
| 4 | 10h30 - 11h20 | 10 | 17h30 - 18h20 |
| 3 | 3 | 5 | 12h30 - 13h20 | 6 | 6 | 11 | 19h30 - 20h20 |
| 6 | 13h30 - 14h20 | 12 | 20h30 - 21h20 |

- Hướng dẫn triển khai giảng dạy - học tập trực tuyến trên phần mềm **TranS** cho Giảng viên và Sinh viên tại Phụ lục 2 kèm theo.

**2. Công tác đảm bảo chất lượng đào tạo**

Công tác tổ chức giảng dạy – học tập phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy học. Giảng viên thực hiện việc điểm danh sinh viên lên lớp; giao bài tập, bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên; hướng dẫn và hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập… thông qua các công cụ quản lý của phần mềm giảng dạy trực tuyến, qua hệ thống quản lý học tập trực tuyến LMS của Học viện.

**3. Tổ chức thực hiện:**

***a. Các Khoa/Bộ môn:***

- Phổ biến thông tin chủ trương, kế hoạch tổ chức giảng dạy - học tập trực tuyến tới các giảng viên;

- Phối hợp đôn đốc, kiểm tra quá trình giảng dạy của giảng viên;

***b. Các Phòng chức năng:***

- Phòng Giáo vụ, Văn phòng Học viện (Bộ phận Thanh tra đào tạo) kiểm tra, theo dõi tình hình giảng viên giảng dạy trên phần mềm giảng dạy trực tuyến;

- Phòng Giáo vụ theo dõi tiến độ, kế hoạch các lớp học phần để có điều chỉnh phù hợp.

- Văn phòng Học viện (Tổ CNTT) phối hợp hỗ trợ kỹ thuật cho giảng viên và sinh viên trong quá trình tổ chức giảng dạy – học tập.

- Phòng Chính trị & Công tác sinh viên tổ chức truyền thông tới các giảng viên, sinh viên; thường xuyên nắm bắt và theo dõi tình hình sinh viên tham gia học tập;

***c. Các Giảng viên, Cố vấn học tập:***

- Thực hiện nghiêm túc việc giảng dạy trực tuyến theo kế hoạch đã ban hành và các văn bản hướng dẫn của Học viện.

- Phối hợp phổ biến và thông tin tới sinh viên về chủ trương, kế hoạch giảng dạy - học tập trực tuyến của Học viện.

***d. Đối với Sinh viên:***

- Cài đặt, sử dụng phần mềm TranS để tham gia học tập trực tuyến theo kế hoạch của Học viện. Đảm bảo đầy đủ thời lượng học tập theo yêu cầu của giảng viên;

- Sử dụng hệ thống Quản lý học tập trực tuyến LMS để tự học có hướng dẫn thông qua các tài liệu, bài giảng do giảng viên cung cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các quy chế, quy định, hướng dẫn của Học viện khi tham gia học tập trực tuyến.

**4. Thông tin hỗ trợ, liên hệ:**

- Hỗ trợ kỹ thuật công ty Namviet Telecom: 0903.212.322/0856.838.282

- Phòng Giáo vụ: Anh Ngô Xuân Thành – Phó Trưởng phòng: 0913.053.636, Anh Nguyễn Ngọc Quang – Chuyên viên: 0917.235.206

- Văn phòng Học viện (Tổ CNTT): Anh Nguyễn Minh Tuân: 0912.138.183

Học viện thông báo để các Đơn vị, Giảng viên, Sinh viên có liên quan biết và thực hiện.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận***:   * GĐHV (b/c); * Các Phòng, Trung tâm, Khoa/Bộ môn (để t/hiện); * Các lớp sinh viên (t/h); * T/B website; * Lưu: VT, GV. | **KT. GIÁM ĐỐC**  **PHÓ GIÁM ĐỐC**    **TS. Vũ Tuấn Lâm** |

**PHỤ LỤC 1:**

**DANH SÁCH CÁC HỌC PHẦN TỔ CHỨC HỌC TRỰC TUYẾN TỪ 23/03/2020**

| **TT** | **Mã môn học** | **Tên môn học/ học phần** | **Lớp** | **Mã nhóm** | **Khóa** | **Ngành** | **Sỹ số** | **Thứ** | **Kíp** | **Tiết BĐ** | **Số tiết** | **Giảng viên giảng dạy** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|
|
| 1 | INT1303 | An toàn bảo mật HTTT |  | 03 | 17 | CN | 68 | 3 | 1 | 1 | 2 | Đỗ Xuân Chợ |  |
| 2 | INT1303 | An toàn bảo mật HTTT |  | 04 | 17 | CN | 69 | 3 | 2 | 3 | 2 | Đỗ Xuân Chợ |  |
| 3 | INT1303 | An toàn bảo mật HTTT |  | 07 | 17 | CN | 69 | 5 | 1 | 1 | 2 | Đỗ Xuân Chợ |  |
| 4 | INT14102 | Các kỹ thuật giấu tin |  | 01 | 16 | AT | 59 | 3 | 4 | 7 | 2 | Đỗ Xuân Chợ |  |
| 5 | INT14102 | Các kỹ thuật giấu tin |  | 02 | 16 | AT | 56 | 3 | 5 | 9 | 2 | Đỗ Xuân Chợ |  |
| 6 | INT14102 | Các kỹ thuật giấu tin |  | 03 | 16 | AT | 56 | 3 | 6 | 11 | 2 | Đỗ Xuân Chợ |  |
| 7 | INT1472 | Cơ sở an toàn thông tin |  | 02 | 17 | AT | 64 | 3 | 2 | 3 | 2 | Hoàng Xuân Dậu |  |
| 8 | INT1336 | Mạng máy tính |  | 08 | 17 | CN | 70 | 5 | 2 | 3 | 2 | Ngô Xuân Thành |  |
| 9 | INT1323 | Kiến trúc máy tính (E) | E18CN1 | 13 | 18 | CLC | 39 | 3 | 2 | 3 | 2 | Phạm Văn Cường |  |
| 10 | INT1323 | Kiến trúc máy tính (E) | E18CN2 | 14 | 18 | CLC | 37 | 3 | 3 | 5 | 2 | Phạm Văn Cường |  |
| 11 | INT1341 | Nhập môn trí tuệ nhân tạo |  | 03 | 17 | CN | 75 | 3 | 4 | 7 | 2 | Từ Minh Phương |  |
| 12 | INT1341 | Nhập môn trí tuệ nhân tạo |  | 04 | 17 | CN | 77 | 3 | 5 | 9 | 2 | Từ Minh Phương |  |
| 13 | INT1341 | Nhập môn trí tuệ nhân tạo |  | 05 | 17 | CN | 74 | 4 | 1 | 1 | 2 | Từ Minh Phương |  |
| 14 | INT1341 | Nhập môn trí tuệ nhân tạo |  | 07 | 17 | CN | 71 | 5 | 4 | 7 | 2 | Ngô Xuân Bách |  |
| 15 | INT1341 | Nhập môn trí tuệ nhân tạo |  | 08 | 17 | CN | 72 | 5 | 5 | 9 | 2 | Ngô Xuân Bách |  |
| 16 | INT1306 | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật |  | 05 | 17-18 | PTDPT-CN-AT-DT | 68 | 3 | 1 | 1 | 2 | Nguyễn Mạnh Sơn |  |
| 17 | INT1306 | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật |  | 06 | 17-18 | PTDPT-CN-AT-DT | 68 | 3 | 2 | 3 | 2 | Nguyễn Mạnh Sơn |  |
| 18 | INT1306 | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật |  | 07 | 17-18 | PTDPT-CN-AT-DT | 66 | 3 | 4 | 7 | 2 | Dương Trần Đức |  |
| 19 | INT1306 | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật |  | 08 | 17-18 | PTDPT-CN-AT-DT | 66 | 3 | 5 | 9 | 2 | Dương Trần Đức |  |
| 20 | INT1416 | Đảm bảo chất lượng phần mềm |  | 03 | 16 | CNPM | 46 | 4 | 1 | 1 | 2 | Đỗ Thị Bích Ngọc |  |
| 21 | INT1416 | Đảm bảo chất lượng phần mềm |  | 04 | 16 | CNPM | 50 | 4 | 2 | 3 | 2 | Đỗ Thị Bích Ngọc |  |
| 22 | INT1448 | Phát triển phần mềm hướng dịch vụ |  | 01 | 16 | CNPM | 50 | 5 | 4 | 7 | 2 | Nguyễn Trọng Khánh |  |
| 23 | INT1448 | Phát triển phần mềm hướng dịch vụ |  | 02 | 16 | CNPM | 50 | 5 | 5 | 9 | 2 | Nguyễn Trọng Khánh |  |
| 24 | INT1449 | Phát triển ứng dụng cho các thiết bị di động |  | 05 | 16 | CNPM-AT | 59 | 6 | 1 | 1 | 2 | Nguyễn Hoàng Anh |  |
| 25 | INT1449 | Phát triển ứng dụng cho các thiết bị di động |  | 06 | 16 | CNPM-AT | 71 | 6 | 2 | 3 | 2 | Trịnh Thị Vân Anh |  |
| 26 | INT1449 | Phát triển ứng dụng cho các thiết bị di động | E16CN | 07 | 16 | CLC | 30 | 6 | 1 | 1 | 2 | Trịnh Thị Vân Anh |  |
| 27 | MAR1304 | Hành vi khách hàng |  | 01 | 18 | MR | 44 | 2 | 1 | 1 | 2 | Nguyễn Bình Minh |  |
| 28 | MAR1304 | Hành vi khách hàng |  | 02 | 18 | MR | 51 | 2 | 2 | 3 | 2 | Nguyễn Bình Minh |  |
| 29 | MAR1304 | Hành vi khách hàng |  | 03 | 18 | MR | 51 | 3 | 4 | 7 | 2 | Nguyễn Bình Minh |  |
| 30 | MAR1304 | Hành vi khách hàng |  | 04 | 18 | MR | 53 | 3 | 5 | 9 | 2 | Nguyễn Bình Minh |  |
| 31 | MAR1309 | Phương pháp nghiên cứu Marketing |  | 01 | 17 | MR | 51 | 5 | 1 | 1 | 2 | Nguyễn Bình Minh |  |
| 32 | MAR1309 | Phương pháp nghiên cứu Marketing |  | 02 | 17 | MR | 51 | 5 | 2 | 3 | 2 | Nguyễn Thị Hoàng Yến |  |
| 33 | MAR1309 | Phương pháp nghiên cứu Marketing |  | 03 | 17 | MR | 51 | 5 | 5 | 9 | 2 | Nguyễn Thị Hoàng Yến |  |
| 34 | MAR1312 | Quản trị cơ sở dữ liệu kinh doanh |  | 01 | 17 | MR | 51 | 2 | 1 | 1 | 2 | Nguyễn Ngọc Anh |  |
| 35 | MAR1312 | Quản trị cơ sở dữ liệu kinh doanh |  | 02 | 17 | MR | 51 | 2 | 2 | 3 | 2 | Nguyễn Ngọc Anh |  |
| 36 | MAR1312 | Quản trị cơ sở dữ liệu kinh doanh |  | 03 | 17 | MR | 51 | 2 | 4 | 7 | 2 | Nguyễn Ngọc Anh |  |
| 37 | MAR1314 | Truyền thông marketing tích hợp |  | 01 | 17 | MR | 51 | 2 | 1 | 1 | 2 | Lê Bảo Ngọc |  |
| 38 | MAR1314 | Truyền thông marketing tích hợp |  | 02 | 17 | MR | 51 | 2 | 2 | 3 | 2 | Lê Bảo Ngọc |  |
| 39 | MAR1314 | Truyền thông marketing tích hợp |  | 03 | 17 | MR | 51 | 6 | 1 | 1 | 2 | Lê Bảo Ngọc |  |
| 40 | MAR1318 | Ứng dụng đa phương tiện trong kinh doanh |  | 01 | 17 | MR | 51 | 5 | 1 | 1 | 2 | Nguyễn Bảo Ngọc |  |
| 41 | MAR1318 | Ứng dụng đa phương tiện trong kinh doanh |  | 02 | 17 | MR | 51 | 5 | 2 | 3 | 2 | Nguyễn Bảo Ngọc |  |
| 42 | MAR1318 | Ứng dụng đa phương tiện trong kinh doanh |  | 03 | 17 | MR | 51 | 5 | 4 | 7 | 2 | Nguyễn Bảo Ngọc |  |
| 43 | MAR1328 | Quản trị thương hiệu |  | 01 | 17 | MR | 51 | 3 | 1 | 1 | 2 | Nguyễn Việt Dũng |  |
| 44 | MAR1328 | Quản trị thương hiệu |  | 02 | 17 | MR | 50 | 3 | 2 | 3 | 2 | Nguyễn Thị Hoàng Yến |  |
| 45 | MAR1328 | Quản trị thương hiệu |  | 03 | 17 | MR | 50 | 6 | 2 | 3 | 2 | Lê Bảo Ngọc |  |
| 46 | MAR1329 | Quản trị bán hàng |  | 01 | 17 | QT-MR | 52 | 6 | 1 | 1 | 2 | Nguyễn Việt Dũng |  |
| 47 | MAR1329 | Quản trị bán hàng |  | 02 | 17 | QT-MR | 53 | 6 | 2 | 3 | 2 | Nguyễn Việt Dũng |  |
| 48 | MAR1329 | Quản trị bán hàng |  | 03 | 17 | QT-MR | 51 | 6 | 4 | 7 | 2 | Lê Thị Hồng Yến |  |
| 49 | MAR1329 | Quản trị bán hàng |  | 04 | 17 | QT-MR | 50 | 6 | 5 | 9 | 2 | Lê Thị Hồng Yến |  |
| 50 | MAR1329 | Quản trị bán hàng |  | 05 | 17 | QT-MR | 51 | 5 | 4 | 7 | 2 | Nguyễn Việt Dũng |  |
| 51 | MAR1329 | Quản trị bán hàng |  | 06 | 17 | QT-MR | 51 | 5 | 5 | 9 | 2 | Nguyễn Việt Dũng |  |
| 52 | MAR1333 | Internet và ứng dụng trong kinh doanh |  | 01 | 18 | MR | 51 | 4 | 4 | 7 | 2 | Nguyễn Minh Dương |  |
| 53 | MAR1333 | Internet và ứng dụng trong kinh doanh |  | 02 | 18 | MR | 51 | 4 | 5 | 9 | 2 | Nguyễn Minh Dương |  |
| 54 | MAR1333 | Internet và ứng dụng trong kinh doanh |  | 03 | 18 | MR | 49 | 5 | 1 | 1 | 2 | Nguyễn Minh Dương |  |
| 55 | MAR1333 | Internet và ứng dụng trong kinh doanh |  | 04 | 18 | MR | 51 | 5 | 2 | 3 | 2 | Nguyễn Minh Dương |  |
| 56 | MAR1424 | Quản trị Marketing |  | 01 | 18 | MR | 51 | 6 | 4 | 7 | 2 | Nguyễn Thị Phương Dung |  |
| 57 | MAR1424 | Quản trị Marketing |  | 02 | 18 | MR | 48 | 6 | 5 | 9 | 2 | Nguyễn Thị Phương Dung |  |
| 58 | MAR1424 | Quản trị Marketing |  | 03 | 18 | MR | 51 | 4 | 4 | 7 | 2 | Nguyễn Thị Phương Dung |  |
| 59 | MAR1424 | Quản trị Marketing |  | 04 | 18 | MR | 51 | 4 | 5 | 9 | 2 | Nguyễn Thị Phương Dung |  |
| 60 | MAR1426 | Marketting công nghiệp |  | 01 | 17 | MR | 51 | 4 | 1 | 1 | 2 | Đoàn Hiếu |  |
| 61 | MAR1426 | Marketting công nghiệp |  | 02 | 17 | MR | 51 | 4 | 2 | 3 | 2 | Đoàn Hiếu |  |
| 62 | MAR1426 | Marketting công nghiệp |  | 03 | 17 | MR | 50 | 4 | 4 | 7 | 2 | Vũ Thế Việt |  |
| 63 | MAR1427 | E-Marketing |  | 01 | 17 | MR | 52 | 4 | 1 | 1 | 2 | Vũ Việt Tiến |  |
| 64 | MAR1427 | E-Marketing |  | 02 | 17 | MR | 53 | 4 | 2 | 3 | 2 | Vũ Việt Tiến |  |
| 65 | MAR1427 | E-Marketing |  | 03 | 17 | MR | 49 | 4 | 5 | 9 | 2 | Vũ Việt Tiến |  |

**PHỤ LỤC 2:**

**HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI HỌC TẬP TRỰC TUYẾN TRÊN PHẦN MỀM TRANS**

**1. Thông tin chung:**

Học tập trực tuyến theo thời gian thực trên Internet, giảng viên và sinh viên thực hiện việc dạy - học tại cùng thời điểm trên phần mềm giảng dạy online thông qua việc sử dụng máy tính, điện thoại thông minh có đầy đủ micro, loa, kết nối với nhau qua Internet.

**2. Phần mềm học tập trực tuyến**

- Học viện tạm thời sử dụng phần mềm TranS (do Công ty Nam Việt Telecoms cung cấp) để tổ chức giảng dạy trực tuyến. Việc tổ chức giảng dạy - học tập theo thời khóa biểu trên trang cá nhân của giảng viên và sinh viên.

- Download và cài đặt phần mềm tại website: <https://trans.naviconference.com/> hoặc App “TranS Japan” từ AppStore, CHPlay cho các thiết bị di động thông minh.

- Download HDSD đối với Giảng viên: <https://bom.to/q5YFph>

- Download HDSD đối với Sinh viên: <https://bom.to/BsGP4e>

**3. Quy định đối với lớp học trực tuyến:**

a. Đối với Cán bộ thanh tra đào tạo, quản lý nề nếp giảng dạy:

- Cài đặt và sử dụng phần mềm TranS theo tài liệu hướng dẫn sử dụng.

- Tổ chức kiểm tra tình hình giảng dạy của các lớp học thông qua tài khoản TranS và có thông báo cụ thể tài khoản sử dụng tới các giảng viên.

b. Đối với Giảng viên:

- Cài đặt và sử dụng phần mềm TranS theo tài liệu hướng dẫn sử dụng.

- Học viện thực hiện việc đăng ký và kích hoạt tài khoản cho các Giảng viên tham gia giảng dạy. Trường hợp giảng viên thay đổi tài khoản sử dụng phải báo lại ID lớp cho phòng Giáo vụ và sinh viên.

- Chủ động tạo phòng học từ 5 đến 10 phút trước giờ học.

- Báo cáo tình hình học tập của các lớp trên phần mềm về Phòng Giáo vụ để phục vụ cho việc đánh giá kết quả thực hiện tuần đầu tiên triển khai;

- Tích cực, chủ động nghiên cứu việc giảng dạy trực tuyến trên phần mềm.

c. Đối với sinh viên

- Cài đặt và sử dụng phần mềm TranS trên thiết bị di động thông minh hoặc máy tính theo hướng dẫn sử dụng.

- Sinh viên đăng nhập và tham gia học theo tài khoản Học viện cung cấp, sinh viên chủ động đổi mật khẩu sau lần đăng nhập đầu tiên.

- Thực hiện việc đăng nhập vào các lớp học trên phần mềm TranS theo đúng thời gian và lớp học của mình;

- Thực hiện đầy đủ các theo các yêu cầu của giảng viên trong thời gian học tập trên phần mềm TranS.

- Nghiêm cấm việc học thay, học hộ, dùng tài khoản của người khác;

***- Lưu ý:*** Để đảm bảo việc học tập của các lớp học trên phần mềm TranS, sinh viên cần thực hiện những nội dung sau:

1. Thực hiện việc học tập tại nơi yên tĩnh, sóng wifi hoặc đường mạng có kết nối Internet ổn định.

2. Kiểm tra và đảm bảo thiết bị máy tính, thiết bị di động thông minh hoạt động tốt, pin đầy đủ trước khi học.

3. Thực hiện việc mở tiếng, camera theo hướng dẫn của Giảng viên. Sử dụng tai nghe trong quá trình học để đảm bảo chất lượng âm thanh.

4. Trong quá trình học cần trật tự và tập trung vào bài học. Chuẩn bị bài theo yêu cầu trước khi tham gia bài học và thảo luận

5. Tuyệt đối không làm việc riêng hay có những lời nói cử chỉ không chuẩn mực trên lớp. Sinh viên vi phạm sẽ bị giảng viên mời ra khỏi lớp chịu các hình thức kỷ luật theo quy chế HSSV tùy vào mức độ vi phạm.